

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỒNG THÁP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **130/2025/DS-ST**
- Ngày 03 tháng 9 năm 2025
- V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Liễu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Bích Liên**

2. Ông **Trần Văn Lờ**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 về: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2025/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Giang Nh**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp QA, xã L B, tỉnh ĐTh

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1957 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ThL, xã L B, tỉnh Đ Th

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Giang Nh trình bày:*

Chị có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị M làm thảo hui. Ngày 18/9/2024, hai bên kết nợ bà M còn nợ lại chị số tiền 211.000.000 đồng. Sau đó, bà M có trả nhiều lần cho chị được số tiền 14.800.000 đồng, còn lại số tiền 196.200.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả nên nay chị yêu cầu bà M và ông D cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền còn nợ lại là 196.200.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Bà thừa nhận có làm đầu thảo hụi. Chị Nh có tham gia chơi hụi của bà. Hai bên kết nợ thì bà còn nợ lại chị Nh số tiền 211.000.000 đồng. Sau đó, bà có trả nhiều lần cho chị Nh được số tiền 14.800.000 đồng, còn lại số tiền 196.200.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

* Tại phiên toà, chị Bùi Thị Giang Nh thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền 196.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu ông Lê Văn D cùng có nghĩa vụ trả tiền với bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*Tại phiên toà, chị Bùi Thị Giang Nh thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền 196.200.000 đồng, không yêu cầu ông Lê Văn D cùng có nghĩa vụ trả tiền với bà Nguyễn Thị M nên xác định tư cách bị đơn là bà Nguyễn Thị M.

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Bùi Thị Giang Nh và bà Nguyễn Thị M là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà M thừa nhận có làm đầu thảo hụi. Chị Nh có tham gia chơi hụi của bà. Hai bên kết nợ thì bà M còn nợ lại chị Nh số tiền 211.000.000 đồng. Sau đó, bà M có trả nhiều lần cho chị Nh được số tiền 14.800.000 đồng, còn lại số tiền 196.200.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị M còn nợ chị Bùi Thị Giang Nh số tiền 196.200.000 đồng nên có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Giang Nh là có căn cứ.

[3.2] Về thời gian trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hai bên kết nợ ngày 18/9/2024, chị Nh nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M không trả, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nh nên cần buộc bà M trả cho chị Nh số tiền còn nợ là 196.200.000 đồng, thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu của Bùi Thị Giang Nh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Giang Nh được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng bà M có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hui, biêu, phưong.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Giang Nh.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Giang Nh số tiền hui còn nợ là 196.200.000 đồng (*Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng*). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn lại chị Bùi Thị Giang Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.275.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006905 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ Th.

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị M.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 8 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đ Th;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đ Th;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Liễu